

UBND XÃ THANH AN

PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA THEO NĐ 105/2020/NĐ-CP NGÀY 08/09/2020 TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12/2025

(Kèm theo Quyết định số: 427/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Thanh An)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đối tượng được hưởng						Số lượng học sinh	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ từ T9-12/2025
		Hộ nghèo	Cận nghèo	ĐKKT-XHĐB KK	Mồ côi	Con liệt sỹ...	K.tật			
1	Trường MN số 1 Thanh An	6	7	30			1	44	4	28.160.000
2	Trường MN số 2 Thanh An	8	23	32				63	4	40.320.000
		1						1	3	480.000
				1				1	2	320.000
3	Trường MN Hoàng Công Chất	1	3	5				9	4	5.760.000
4	Trường MN Noong Hết	1	3	39			1	44	4	28.160.000
			2					2	3	960.000
		1						1	1	160.000
Tổng cộng		18	38	107	0	0	2	165	25	104.320.000

UBND XÃ THANH AN

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12/2025**

(Kèm theo Quyết định số: 427/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Thanh An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
Tổng cộng							104.320.000	
I	TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 THANH AN						28.160.000	
1	Thùng Duy Khải	2020	Đieu Thị Lệ	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
2	Cà Duy Thọ	2020	Cà Văn Thoa	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
3	Lò Thị Trang Kiều	2020	Lò Văn Sáng	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
4	Lò Đình San	2020	Lò Văn Thân	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
5	Lường Thị Phương Anh	2020	Lò Thị Khánh	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
6	Tòng Kiều Oanh	2020	Lường Thị Thảo	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
7	Quảng Mạnh Quân	2020	Lường Thị lan	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
8	Lò Hồng Quyên	2020	Lò Văn Tiên	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
9	Lù Thị An Nhiên	2020	Lù Văn Dân	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
10	Hoàng Thị Ánh Ngọc	2020	Lò Thị So	160.000	Con Hộ nghèo	4	640.000	
11	Hoàng Thị Ngọc Ánh	2020	Lò Thị So	160.000	Con Hộ nghèo	4	640.000	
12	Lò Đức Giang	2020	Lò Thị Hoa	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
13	Quảng Trí Kiệt	2020	Quảng Thị Khuyến	160.000	Xã khó khăn	4	640.000	
14	Lò Kim Ngân B	2021	Lò Thị Thảo	160.000	Con Hộ nghèo	4	640.000	
15	Lò Duy Khánh	2022	Lò Thị Chính	160.000	Con Hộ nghèo	4	640.000	
16	Lò Thanh Nhân	2020	Cà Thị Hinh	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
17	Lò Thanh Vân	2020	Lò Thị Lan	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
18	Lò Như Quỳnh	2020	Lò Minh Sáng	160.000	Con hộ nghèo	4	640.000	
19	Lê Hoàng Bảo Long	2020	Lê Văn Thiệp	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
20	Quảng Thị Hoài My	2020	Quảng Văn Phong	160.000	Con hộ nghèo	4	640.000	
21	Lò Mạnh Quân	2020	Lò Văn Toàn	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
22	Lường Anh Khôi	2020	Lò Thị Chanh	160.000	Hộ nghèo, Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
23	Lò Thị Quỳnh Như	2022	Lò Văn Nam	160.000	Hộ nghèo, Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
24	Lò Tuấn Huy	2021	Lò Văn Thi	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
25	Lò Thu Hoài	2021	Lò Văn Hồng	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
26	Tòng Thị Gia Hân	2021	Tòng Văn Chính	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
27	Quảng Nguyệt Quế	2021	Quảng Văn Păng	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
28	Lò Thị Linh Chi	2021	Lò Văn Ánh	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
29	Nguyễn Minh Anh	2021	Nguyễn Quang Huy	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
30	Lò Đào Q. Hương	2021	Nguyễn Việt Phú	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
31	Tòng Thị Anh Thư	2021	Tòng Văn Thuận	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
32	Lò Thị Thanh Mai	2021	Lò Văn Lại	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
33	Lê Minh Khang	2021	Lê Trọng Tâm	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
34	Lường Trung Thành	2021	Lường Văn Định	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
35	Khoảng Anh Tuấn	2021	Lò Thị Hà	160.000	Xã ĐBKK	4	640.000	
36	Nguyễn Việt Hoàng	2022	Nguyễn Văn Thành	160.000	Thôn bản ĐBBKK (Bản Pa Kín Núa Ngam)	4	640.000	
37	Lò Minh Anh	2022	Lò Thị Thiên	160.000	Hộ Cận Nghèo (Sam Múm)	4	640.000	
38	Lường Thị Vân Anh	2022	Lò Thị Thư	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
39	Cà Thị Uyên Thư	2022	Lò Thị Vân	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
40	Lường Duy Mạnh	2022	Lường Thị Thiên	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
41	Lường Gia Hân	2022	Lò Thị Thủy	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
42	Lường Minh Quân	2022	Tòng Thị Thanh	160.000	Thôn bản ĐBBKK, khuyết tật	4	640.000	
43	Lò Thị Bảo Yến	2022	Lò Thị Số	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
44	Lò Gia Nghĩa	2022	Lò Thị Cương	160.000	Thôn bản ĐBBKK	4	640.000	
II	TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 THANH AN						41.120.000	
1	Lò Anh Quân	17/04/2020	Lò Thị Chương	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
2	Nguyễn Như Ngọc	16/08/2020	Nguyễn Hoàng Long	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
3	Lò Phạm Minh Khang	01/12/2020	Phạm Thị Lả	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
4	Lường Bảo Nam	28/10/2020	Lò Thị Hương	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
5	Lò Thị Phương Oanh	25/01/2020	Lò Văn Phong	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
6	Lò Thúy Kiều	26/07/2020	Lò Thị Ơi	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
7	Quảng Minh Vũ	06/10/2020	Lò Thị Vân	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
8	Quảng Văn quý	11/10/2020	Quảng Văn Ánh	160.000	Cận Nghèo	4	640.000	
9	Lò Duy Tùng	16/08/2020	Lường Thị Biển	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
10	Lường Thị Trà My	02/12/2020	Khoảng Mé De	160.000	Cận Nghèo	4	640.000	
11	Lò Tuấn Anh	08/06/2020	Quảng Thị Quyết	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
12	Lò Thị Ngọc Lan	04/10/2020	Lò Văn Quyết	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
13	Lường Thị Hà Vy	21/09/2020	Lò Thị Thương	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
14	Lò Khánh Vân	15/11/2020	Lò Thị Nhân	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
15	Tòng Gia Bảo	18/10/2020	Vì Thị Hời	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
16	Lò Văn Đại	19/03/2020	Lò Thị Duyên	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
17	Lò Thị Thu Hồng	21/04/2020	Lò Thị Chang	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
18	Lò Thị Ngọc Mai	12/04/2020	Lò Thị Phương	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
19	Lò Tường Vi	20/06/2020	Lò Thị Hom	160.000	Cận nghèo	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
20	Tòng Trọng Khang	01/01/2020	Tòng Văn Nghiên	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
21	Lò Hoàng Kim Nhi	16/11/2020	Lò Thị Thuông	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
22	Cà Xuân Phúc	27/04/2020	Cà Văn Tuyền	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
23	Lường Thái Thịnh	01/07/2020	Lường Văn Chính	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
24	Lò An Na	25/09/2020	Lò Thị Tinh	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
25	Lò Thị Như Quỳnh	12/10/2020	Lò Thị Chinh	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
26	Lò Văn Tính	03/08/2020	Lò Thị Hoá	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
27	Lò Xuân Thắng	27/10/2020	Lò Thị Hồng Nhung	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
28	Quảng Thị Ngân Hà	23/02/2021	Lò Thị Nguyên	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
29	Lò Nhật Tùng	17/05/2021	Lò Thị Hoa	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
30	Lù Lê Khang	28/11/2021	Lù Thị Nhung	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
31	Mùi Đình Ngọc	22/04/2021	Mùi Văn Anh	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
32	Lò Gia Hưng	24/10/2021	Quảng Thị Tâm	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
33	Đình Quang Việt	04/09/2021	Quảng Thị Tiên	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
34	Lò Minh Khôi	02/03/2021	Lò Văn Hịa	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
35	Lò Quang Hải	09/09/2021	Lò Thị Hiền	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
36	Lò Nhật Minh Quang	01/01/2021	Lường Thị Nguyệt	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
37	Lò Gia Hưng	08/03/2021	Tòng Thị Kính	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
38	Lò Đức Duy	11/08/2021	Lò Văn Mười	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
39	Lò Thị Ngọc Thắm	03/04/2021	Lò Thị Hịa	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
40	Lò Yến Nhi	18/04/2021	Lò Thị Huyền	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
41	Lò Bảo An	05/03/2021	Lò Thị Thi	160.000	Hộ Nghèo	4	640.000	
42	Lò Thị Ngọc Linh	27/12/2021	Cà Thị Hà	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
43	Quảng Đức Phúc	02/07/2021	Lường Thị Mai	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
44	Lò Ngọc Thủy	21/01/2021	Lường Thị Phong	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
45	Hoàng Thanh Trúc	18/11/2021	Hoàng Thế Hà	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
46	Quàng Bảo Ngọc	04/10/2021	Quàng Văn Tùng	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
47	Ly Quang Duy	08/05/2021	Ly A Sù	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
48	Lò Hoàng Nam	13/08/2022	Quàng Thị Chung	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
49	Quàng Thanh Thảo	07/06/2022	Cà Thị Biên	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
50	Nguyễn Huy Hoàng	09/08/2022	Tòng Thị Chinh	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
51	Lường Tuệ Nhi	19/05/2022	Lường Văn Kiên	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
52	Vì Thiên Ân	14/04/2022	Lò Thị Chanh	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
53	Sùng Thị Ánh Tuyết	12/01/2022	Thào Thị Dinh	160.000	Hộ nghèo	3	480.000	
54	Lò Bảo Long	18/02/2022	Lò Thị Bua	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
55	Cà Duy Khánh	18/10/2022	Cà Văn Chương	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
56	Lò Gia Huy	24/11/2022	Lường Thị Nguyệt	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
57	Lò Thu Hương	26/05/2022	Lò Thị Minh Hoài	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
58	Lường Thị Ngọc Hân	22/07/2022	Lường Văn Thu	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
59	Lò Thị Tuệ Nhi	21/05/2022	Lò Thị Chang	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
60	Lò Kim Ngân	31/08/2022	Quàng Thị Minh	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
61	Lò Yến Ny	08/02/2022	Lò Văn Nguyên	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
62	Lò Anh Vũ	22/10/2022	Lò Thị Tinh	160.000	Thôn bản ĐBKK	2	320.000	
63	Lò Đức Cường	13/03/2022	Lò Thị Minh	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
64	Lò Thị Huyền Trang	27/08/2022	Lò Thị Thúy Nga	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
65	Lò Đức Toàn	06/05/2022	Cà Thị Dương	160.000	Thôn bản ĐBKK	4	640.000	
III	TRƯỜNG MÀM NON HOÀNG CÔNG CHẤT						5.760.000	
1	Lò Thủy Chi	2021	Lò Thị Phúc	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
2	Lương Ánh Diệp	2021	Trần Thị Nụ	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
3	Cà Tùng Lâm	2021	Cà Văn Ánh	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
4	Lò Kim Oanh	2021	Lò Thị Phái	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
5	Lò Ngọc Linh Đan	2022	Lò Thị Diễm	160.000	Con hộ nghèo	4	640.000	
6	Lê Bảo Khang	2022	Quảng Thị Hồng	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
7	Giàng A Dũng	2020	Giàng Thị Mỹ	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
8	Quảng Bảo Duy	2020	Quảng Thị Thắm	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
9	Lò Tuấn Kiệt	2020	Lò Văn Sơn	160.000	Con hộ cận nghèo	4	640.000	
IV	TRƯỜNG MÀM NON NOONG HẾT						29.280.000	
1	Lò Ngọc Diệp	1/9/2020	Lò Văn Nam	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
2	Cà Bảo Bình	17/7/2020	Quảng Thị Yên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
3	Lò Thị Bảo Hân	4/6/2020	Cà Thị Thuỷ Dung	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
4	Cà Khánh Vân	28/10/2020	Lường Thị Phiên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
5	Lò Gia Bảo	4/1/2020	Lò Thị Phong	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
6	Doãn Thanh Tùng	18/8/2020	Vũ Thị Thanh Hoàn	160.000	Xã khu vực III	4	640.000	
7	Trần Nhất Thiên Phú	30/8/2020	Lò Thị Thắm	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
8	Vương Nhật An Huy	4/12/2020	Vương Văn Thanh	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
9	Nguyễn Hải Đăng	31/12/2020	Hà Thị Thương	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
10	Nguyễn Đình Đức Duy	04/07/2020	Cà Thị Hương	160.000	Khuyết tật	4	640.000	
11	Lò Quốc Bảo	17/4/2020	Lò Văn Oi	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
12	Trần Quang Nhật	16/9/2020	Lò Thị Duyên	160.000	Cận Nghèo	4	640.000	
13	Lường Trường An	12/6/2020	Lò Thị Nội	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
14	Lò Thị hương May	17/5/2020	Lò Thị Mai	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
15	Cà Hải An	08/10/2020	Lò Thị Lả	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
16	Lò Ngọc Tuệ Lâm	26/12/2020	Lò Thị Diên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
17	Lò Đức Toàn	13/12/2020	Quảng Thị Hằng	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
18	Trần Ngọc Anh Khoa	22/10/2020	Điêu Thị Oanh	160.000	Hộ nghèo	4	640.000	
19	Lò Đăng Quang	4/2/2021	Lò Thị Pánh	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
20	Lò Duy Khải	9/6/2021	Cà Thị Phụng	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
21	Lò Kim Ngân	27/7/2021	Lò Thị Vân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
22	Quảng Đức Thuận	1/1/2021	Lương Thúy Mai	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
23	Trần Bá Hiếu	20/11/2021	Đỗ Thị Hiện	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
24	Lò Minh Hải	25/04/2021	Lò Thị Xuân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
25	Lò Đức Dương	12/07/2021	Cà Thu Hằng	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
26	Hồ Thông Minh	30/04/2021	Hồ Thị Chu	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
27	Cà Thị Khánh Thi	7/6/2021	Cà Văn Thành	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
28	Cà Quỳnh Anh	16/4/2021	Cà Văn Thân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
29	Cà Minh Khang	30/12/2021	Cà Văn Thân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
30	Đoàn Duy Long	26/4/2021	Lương Thị Phụng	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
31	Lò Minh Khôi	9/4/2021	Lò Thị Vân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
32	Lò Tường Vy	9/10/2021	Lò Văn Tuấn	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
33	Cà Gia Khánh	2/4/2021	Cà Văn Quyền	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
34	Tòng Khôi Nguyên	17/03/2022	Cà Thị Thu	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
35	Bùi Thị Khánh An	25/02/2022	Quảng Thị Khuyên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
36	Lò Chí Việt	22/08/2022	Lò Thị Thu Hiền	160.000	Xã khu vực III	4	640.000	
37	Trần Khánh Linh	08/04/2022	Trần Thị Hà	160.000	Xã khu vực III	4	640.000	
38	Nguyễn Huyền Anh	06/07/2022	Nguyễn Thị Huyền	160.000	Cận nghèo	4	640.000	
39	Lò Khánh Linh	01/10/2022	Nguyễn Thị Hiền	160.000	Bản ĐBKK	3	480.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
40	Lò Gia Huy	25/11/2022	Lò Văn Oì	160.000	Hộ nghèo	1	160.000	
41	Nguyễn Hùng Cường	02/10/2022	Đặng Thị Thu	160.000	Xã khu vực III	3	480.000	
42	Lò Thảo Trang	15/03/2022	Lò Văn Thuận	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
43	Lò Duy Khánh	15/03/2022	Lò Văn Thân	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
44	Nguyễn Hương Giang	18/05/2022	Nguyễn Thị Miên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
45	Nguyễn Đức Thành	21/06/2022	Lường Thị Thu Nguyệt	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
46	Lò Thị Ngọc Yến	20/08/2022	Cà Thị Oanh	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	
47	Cà Anh Đức	06/09/2022	Lường Thị Phiên	160.000	Bản ĐBKK	4	640.000	